

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ - NGÀNH KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 452/QĐ/ĐHTL của Hiệu trưởng ngày 24 tháng 05 năm 2011)

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		Năm thứ 5	
						HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			42										
I.1	Chính trị Mác - Lênin	Political Subjects			12										
	Pháp luật đại cương			Những nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác Lênin	2	2									
1	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin I	Basic Principles of Marxist Leninism I	IDEO111	Những nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác Lênin	2	2									
2	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin II	Basic Principles of Marxist Leninism II	IDEO122	Những nguyên lý cơ bản Chủ nghĩa Mác Lênin	3	3									
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	Vietnam Communist Party's Revolution line	IDEO234	Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3		3								
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	IDEO243	Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	2		2								
I.2	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			26										
7	Toán I (Giải tích một biến)	Mathematics I (Single Variable Calculus)	MATH111	Toán học	3	3									
8	Toán II (Giải tích nhiều biến)	Mathematics II (Multivariable Calculus)	MATH122	Toán học	3		3								
9	Toán III (Đại số tuyến tính)	Mathematics III (Linear Algebra)	MATH232	Toán học	3	3									
10	Toán IVa (Phương trình vi phân)	Mathematics IVa (Differential Equation)	MATH243	Toán học	2		2								
11	Toán V (Xác suất thống kê)	Mathematics V (Probability Statistics)	MATH253	Toán học	3			3							
12	Vật lý I	Physics I	PHYS112	Vật lý	3		3								
13	Vật lý II	Physics II	PHYS233	Vật lý	3			3							
14	Hóa đại cương I	General Chemistry I	CHEM112	Hóa học	3			3							
15	Tin đại cương	Introduction to Engineering Programming	ENGR122	Khoa học máy tính và công nghệ phần mềm	3		3								
I.3	Tiếng Anh	English		Tiếng Anh	4										
15	Tiếng Anh	English	ENGL121	Tiếng Anh	4	4									
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			102										
II.1	Cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			22										
16	Cơ học cơ sở I	Engineering Mechanics 1	MECH213	Cơ học kỹ thuật	3			3							
17	Cơ học cơ sở II	Engineering Mechanics 2	MECH224	Cơ học kỹ thuật	3				3						
18	Sức bền vật liệu I	Strength of Materials 1	CE214	Sức bền - Kết cấu	3				3						
19	Cơ học kết cấu	Mechanics of Engineering Structures	CE345	Sức bền - Kết cấu	4					4					
20	Cơ học chất lỏng	Fluid Mechanics	FLME214	Thủy lực	3					3					
21	Trắc địa	Surveying	SURV214	Trắc địa	2			2							
22	Thực tập Trắc địa	Practice of Surveying	SURV224	Trắc địa	1			1							
23	Đồ họa kỹ thuật	Technical Graphics	DRAW214	Đồ họa kỹ thuật	3					3					
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			22										
24	Khoa học đất	Soil Science	SSC214	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2					2					
25	Thực tập khoa học đất	Field Trip and Lab on Soil Science	SSC224	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	1					1					
26	Thủy lực công trình	Hydraulics Engineering	HYDR325	Thủy lực	3					3					
27	Địa kỹ thuật	Geotechnical Engineering	CE355	Địa kỹ thuật	4					4					

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ - NGÀNH KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 452/QĐ/ĐHTL của Hiệu trưởng ngày 24 tháng 05 năm 2011)

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		Năm thứ 5	
						HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9	HK10
28	Vật liệu xây dựng	Civil Engineering Materials	CE315	Vật liệu xây dựng	3						3				
29	Thủy văn công trình	Engineering Hydrology	HYDR346	Thủy văn và tài nguyên nước	3						3				
30	Kỹ thuật điện	Introduction to Electrical Engineering	EGN316	Kỹ thuật điện	3							3			
31	Kỹ thuật hạ tầng giao thông	Infrastructural and Transportation Systems	TRANS326	Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn	3						3				
II.3	Kiến thức ngành	Core Area Subjects			51										
32	Kết cấu bê tông cốt thép	Reinforced Concrete Structures	CEI485	Kết cấu công trình	3						3				
33	Kết cấu thép	Steel Structures	CEI496	Kết cấu công trình	2							2			
34	Giới thiệu và cơ sở thiết kế công trình thủy	Introduction to Hydraulic Structures Design	CEHS417	Thủy công	2							2			
35	Kỹ thuật và tổ chức xây dựng	Construction Engineering Technology and Management	CECT417	Công nghệ và quản lý xây dựng	3								3		
36	Đồ án kỹ thuật và tổ chức xây dựng	Project of Construction Engineering Technology and Management	CECT427	Công nghệ và quản lý xây dựng	1									1	
37	Kỹ thuật đất và nước	Soils and Water Engineering	SWE433	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	3							3			
38	Kỹ thuật tài nguyên nước	Water Resources Engineering	WRE437	Kỹ thuật Tài nguyên nước	4								4		
39	Quy hoạch và thiết kế hệ thống thủy lợi	Hydraulic System Planning and Design	PMWR437	Kỹ thuật Tài nguyên nước	2							2			
40	Đồ án quy hoạch và thiết kế hệ thống thủy lợi	Practice of Hydraulic System Planning and Design	PMWR447	Kỹ thuật Tài nguyên nước	1							1			
41	Quản lý hệ thống công trình thủy lợi	Management of Hydraulic System	MHS438	Kỹ thuật Tài nguyên nước	2								2		
42	Đồ án quản lý hệ thống công trình thủy lợi	Practice of Management of Hydraulic System	MHS448	Kỹ thuật Tài nguyên nước	1								1		
43	Kinh tế xây dựng	Construction Economics	CECON316	Kinh tế	2									2	
44	Tiếp cận bền vững	Sustainable Development Approach	SDA437	Kỹ thuật tài nguyên nước	2									2	
45	Quy hoạch và phát triển nông thôn	Rural Planning Development	RPD336	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	4								4		
46	Máy bơm và trạm bơm	Pump and Pumping Stations	PSD448	Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn	3									3	
47	Công trình trên hệ thống thủy lợi	Structures in Hydraulic Systems	CEHS418	Thủy công	2									2	
48	Đồ án công trình trên hệ thống thủy lợi	Project of Structures in Hydraulic Systems	CEHS428	Thủy công	1									1	
49	Cấp thoát nước	Water Supply and Sanitation	WSS436	Cấp thoát nước	3									3	
50	Nền móng	Foundation Engineering	GEOT336	Địa kỹ thuật	3						3				
51	Quản lý cây trồng và đất	Crop and Soil Management	CSM443	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2							2			
52	Thiết kế hệ thống tiêu nước mặt	Water Supply and Sanitation	WSS418	Kỹ thuật Tài nguyên nước	3									3	
53	Tin học ứng dụng trong kỹ thuật tài nguyên nước	Applied informatic in Water Resources Engineering	STIS410	Kỹ thuật Tài nguyên nước	2										2
II.4	Đồ án tốt nghiệp	Graduation thesis			7										7
	Tổng cộng (I + II)	Total			144	17	16	15	12	14	15	15	15	16	9

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG KHOA